

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam chìm trong sắc đỏ khi tình hình dịch bệnh trong nước chưa được kiểm soát khiến nguy cơ giãn cách xã hội tại nhiều địa điểm gia tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG

[Cập nhật công ty]

POW

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể gia tăng vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng tổng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

06/07/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,354.79	-3.99
VN30	1,488.42	-4.43
HĐTL VN30F1M	1,568.00	+0.00
HNXIndex	318.51	-2.82
HNX30	493.17	-4.77
UPCoM	89.07	-1.55
USD/VND	23,014	+0.11
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.18	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.92	+10
Dầu (WTI, \$)	76.37	+1.61
Vàng (LME, \$)	1,806.44	+0.82



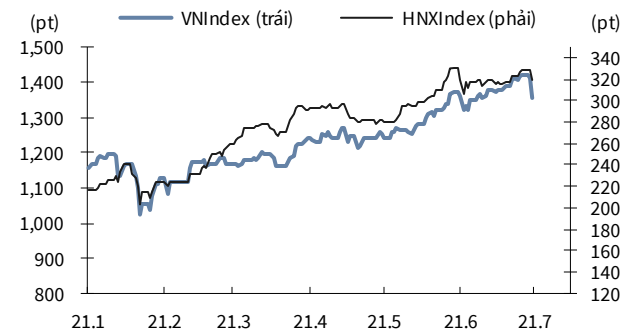
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,354.79 (-3.99%)
KLGD (triệu CP)	803.2 (+5.2%)
GTGD (triệu US\$)	1,245.9 (+2.2%)
HNXIndex	318.51 (-2.82%)
KLGD (triệu CP)	167.5 (+16.4%)
GTGD (triệu US\$)	173.2 (+19.8%)
UPCoM	89.07 (-1.55%)
KLGD (triệu CP)	90.2 (-1.6%)
GTGD (triệu US\$)	69.3 (+4.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.1

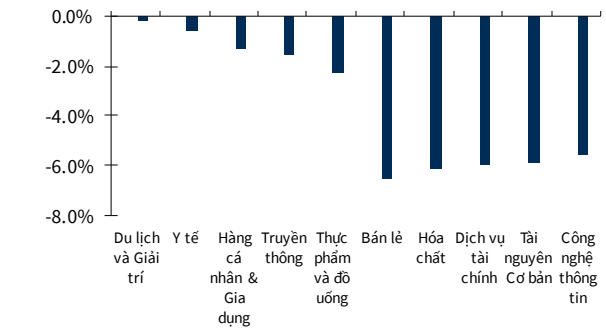
TTCK Việt Nam chìm trong sắc đỏ khi tình hình dịch bệnh trong nước chưa được kiểm soát khiến nguy cơ giãn cách xã hội tại nhiều địa điểm gia tăng. Thông tin trên tác động tiêu cực đến cổ phiếu nhóm hàng không ở HVN (-1.9%), SCS (-0.1%). Cổ phiếu Hòa Phát HPG (-6.3%) giảm giá sau khi Tập đoàn Hòa Phát thông báo sản lượng bán hàng các sản phẩm thép tháng 6 đạt 569,000 tấn giảm 18% so với tháng trước, kéo theo sự giảm giá ở các cổ phiếu cùng ngành HSG (-7%), NKG (-6.9%). Theo Bloomberg, giá cước vận tải thế giới tiếp tục tăng ở mức cao khiến các doanh nghiệp xuất khẩu giảm giá ở VHC (-6.9%), MPC (-2.3%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (-6.9%), VCB (-1.4%), MBB (-7.0%).

VNIndex & HNXIndex



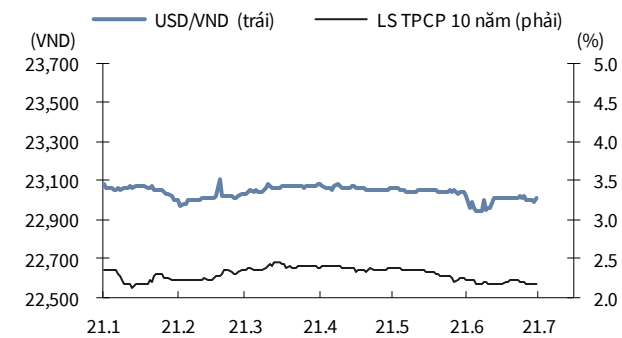
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



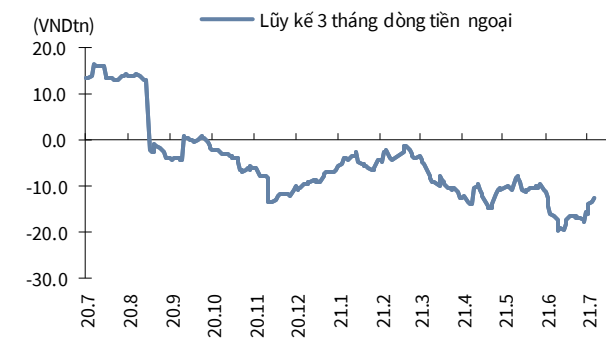
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



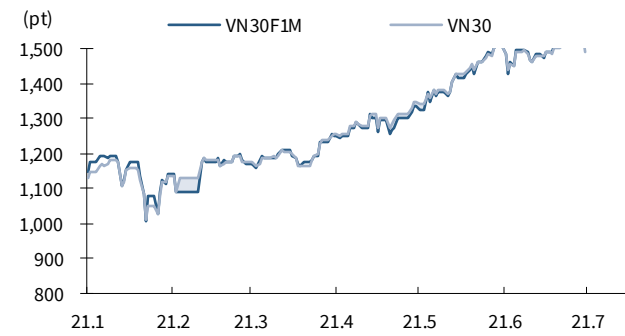
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,488.42 (-4.43%)
VN30F1M	1,568.0 (+0.00%)
Mở cửa	1,566.0
Cao nhất	1,569.3
Thấp nhất	1,501.0
KLGD (HĐ)	210,042 (-5.3%)

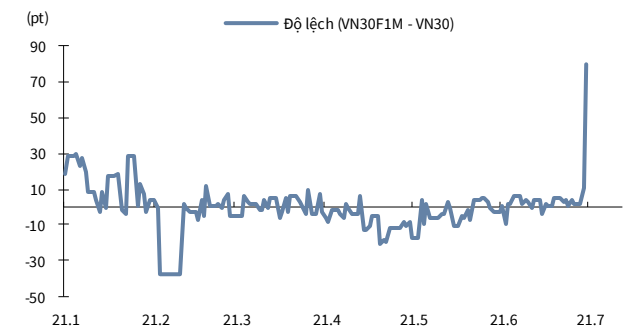
HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2107 và VN30 mở cửa ở mức 10.59, sau đó thu hẹp trong phiên nhưng vẫn duy trì ở mức dương và bật tăng trong phiên ATC, đóng cửa ở mức 10.58. NĐTNN giao dịch mua ròng mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm nhẹ.

HĐTL VN30F1M & VN30



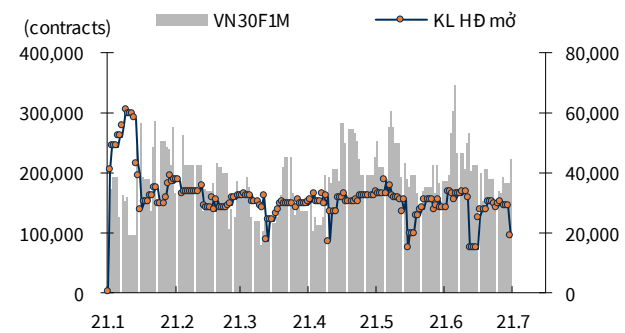
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



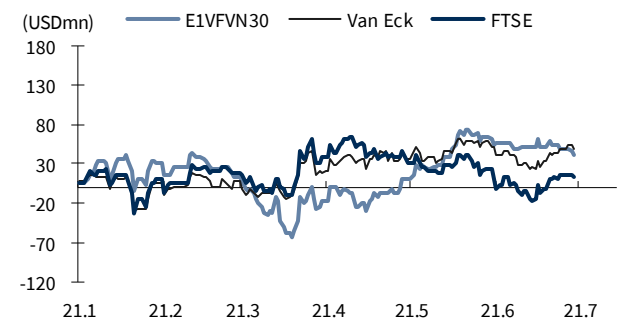
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

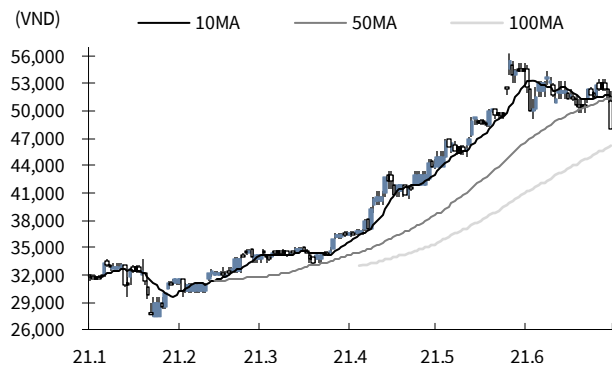
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Hoà Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm -6.3% xuống 48,000 VNĐ/cp.

- Tập đoàn Hòa Phát thông báo sản lượng bán hàng các sản phẩm thép đạt 569,000 tấn (+10% YoY), giảm 18% so với tháng trước do ảnh hưởng của đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 trên toàn quốc và mùa mưa bắt đầu. Trong đó thép xây dựng đạt 230,000 tấn (-29% MoM), và thép cuộn cán nóng đạt 230,000 tấn (+2.2% MoM).

TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP (POW)

Báo cáo lần đầu: Triển vọng dài hạn tích cực

Chuyên viên phân tích Năng lượng và Vật liệu xây dựng
 Nguyễn Ngọc Hiếu
 hieunn@kbsec.com.vn

05/07/2021

Nhu cầu tiêu thụ, tăng trưởng của ngành điện ở Việt Nam vẫn còn rất lớn

Tăng trưởng sản lượng điện trung bình của nước ta trong giai đoạn 2016-2020 đạt 6,7%. Dự báo giai đoạn 2021-2025, tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ điện khoảng 8,6%, trong khi vẫn phải nhập khẩu điện từ Trung Quốc, Lào, đây được coi là một động lực phát triển cũng như dư địa cho các công ty sản xuất điện.

Tăng trưởng trở lại vào 2022 khi các phần lớn các nhà máy điện khí lớn đã hoàn thành đại tu, trung tu trong năm 2021

Trong năm 2021, POW ngừng máy để thực hiện đại tu nhà máy điện khí Cà Mau 1, Vũng Áng 1 tổ máy số 2, Hòa Na, thực hiện trung tu Nhơn Trạch 1 và tiểu tu Cà Mau 2, Nhơn Trạch 2. Với việc đưa vào sửa chữa lớn một loạt các tổ máy do vậy sản lượng sản xuất năm 2021 ước tính đạt 19,45 tỷ kWh (+1% YoY). Tuy nhiên, chúng tôi ước tính sản lượng năm 2022 của POW sẽ đạt 22,2 tỷ kWh (+14 YoY) do các tổ máy được sửa chữa đi vào hoạt động ổn định với hiệu suất cao.

Dự án nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3&4 là động lực tăng trưởng

Dự án điện khí LNG Nhơn Trạch 3&4 dự án năng lượng quan trọng của quốc gia với tổng mức đầu tư 1,4 tỷ USD. Với thời gian vận hành khoảng 6.000 giờ/năm/nhà máy, sản lượng điện cung cấp lên hệ thống điện quốc gia vào khoảng 4,5 tỷ kWh. Dự kiến, Nhơn Trạch 3 sẽ vận hành thương mại vào quý IV 2023 và Nhơn Trạch 4 sẽ vận hành thương mại vào quý II/2024, nâng tổng công suất phát điện của POW lên 5.705 MW, tăng 36%.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 13.800 VNĐ/CP

Với việc các nhà máy điện của PVPower hoàn thành sửa chữa năm 2021 và đi vào vận hành đầy đủ năm 2022. Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu POW, giá mục tiêu cho năm 2021 là 13.800 VNĐ/CP

Mua

Giá mục tiêu VNĐ 13.800

Tăng/giảm	18 %
Giá hiện tại (05/07/2021)	VNĐ 11.700
Giá mục tiêu đồng thuận	VNĐ 15.000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27.000

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	35.374	29.731	29.931	34.079
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VNĐ)	3.116	2.855	3.091	3.799
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	2.854	2.662	2.707	3.323
EPS (nghìn VNĐ)	1,219	1,136	1,156	1,419
Tăng trưởng EPS (%)	24,8%	-6,7%	1,7%	22,8%
P/E (x)	9.6	10.2	10.1	8.2
P/B (x)	9.3	8.7	8.1	7.5
ROE (%)	9,7%	8,5%	8,1%	9,1%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	3%	2%	2%	2%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	20%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	174,89
Sở hữu nước ngoài (%)	3,16%
Cổ đông nhà nước (PVN)	79,94%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
POW	7%	-8%	-13%	19%
VNINDEX	7%	15%	18%	58%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

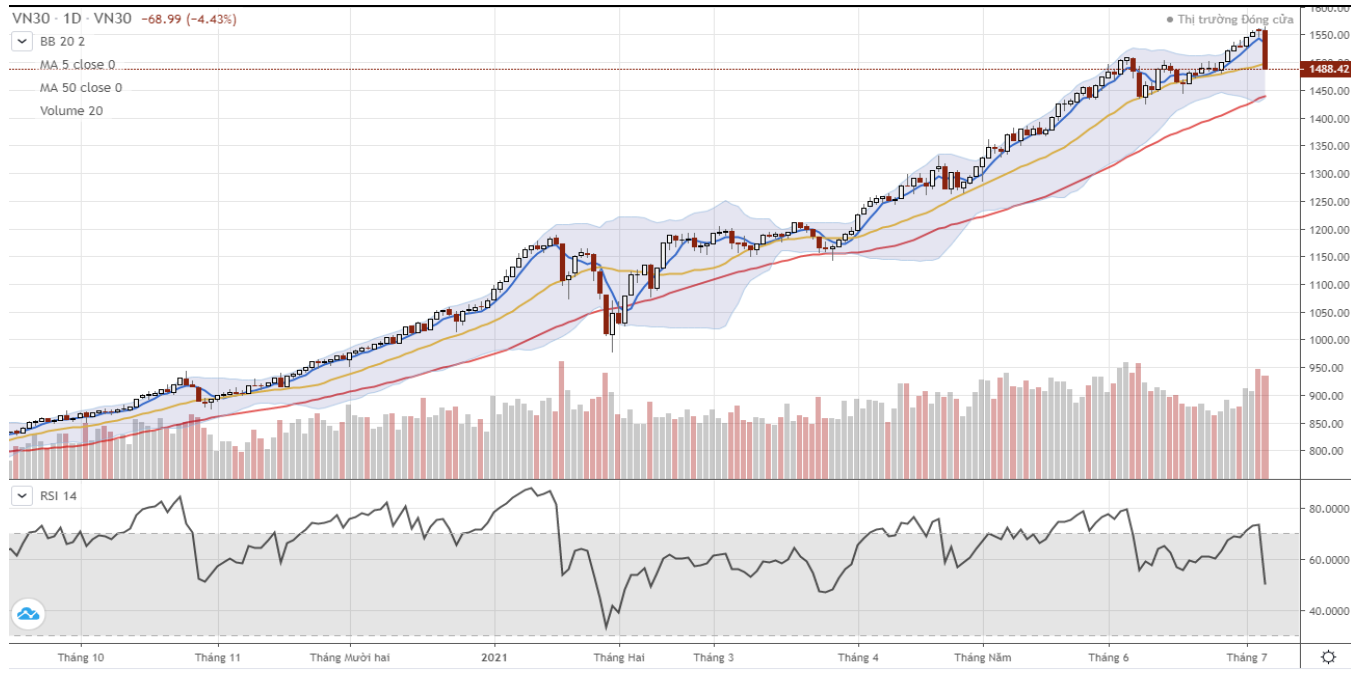
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



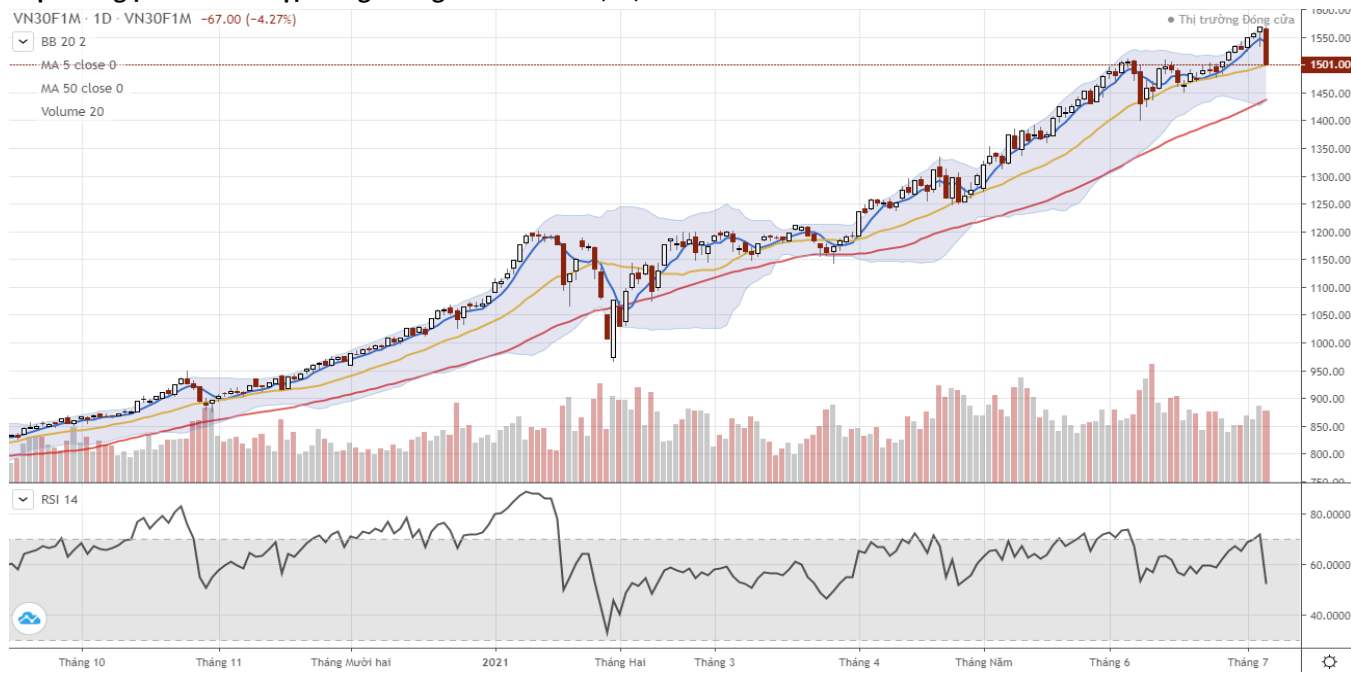
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến hồi phục giằng co trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Việc thị trường tiếp tục xác lập đỉnh mới trong nhịp tăng đầu phiên nhưng với đà tăng thoải và khối lượng khớp lệnh thấp, thể hiện xung lực yếu, trước khi bị bán mạnh về cuối phiên với thanh khoản tăng cao, thể hiện 1 phiên phân phối lớn điển hình, cho thấy nhiều khả năng VNIndex đã bước vào nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Vùng hỗ trợ tiếp theo của chỉ số ở quanh 1315-1320 với kì vọng sẽ có nhịp hồi phục T+ ở đây.
- NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng tổng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1521 - 1526

Kháng cự gần: 1510 - 1515

Hỗ trợ gần: 1469 - 1474

Hỗ trợ xa: 1429 - 1434

- F1 diễn biến giằng co trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Việc xuất hiện 1 phiên phân phối lớn sau nhịp tăng kéo dài nhưng với độ dốc thoải dần khiến chỉ số rơi vào trạng thái tiêu cực với rủi ro điều chỉnh về những vùng sâu hơn. Vùng hỗ trợ tiếp theo của chỉ số ở quanh 143x với kì vọng sẽ có nhịp phản ứng T+ ở đây.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các nhịp hồi sớm nhưng ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đóng vị thế tại các nhịp hồi sớm, trước khi về hỗ trợ sâu.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

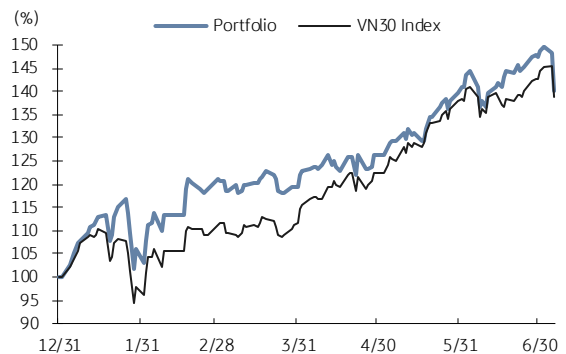
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-4.43%	-5.34%
Tăng lũy kế (YTD)	39.00%	40.24%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/07/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	155,000	-6.9%	33.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	37,800	-2.7%	54.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	99,600	0.3%	29.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	40,100	-7.0%	136.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	52,500	-4.2%	54.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	87,000	-6.1%	198.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	48,500	-6.9%	98.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	85,800	-6.7%	16.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	48,000	-6.3%	231.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	35,700	-6.9%	160.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-6.9%	23.0%	86.4
VCB	-1.4%	23.6%	76.0
MBB	-7.0%	21.0%	61.7
MSN	-2.3%	33.0%	54.2
HDB	-6.4%	17.6%	28.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-6.3%	26.3%	-115.5
VPB	-2.3%	15.5%	-91.8
VNM	-2.5%	54.9%	-39.4
CTG	-6.9%	25.1%	-25.8
E1VFN30	-1.5%	97.3%	-23.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	-1.4%	0.7%	7.0
BVS	-9.8%	8.4%	6.9
VCS	-3.6%	4.0%	2.6
TVB	-10.0%	0.2%	2.1
PAN	-9.0%	34.4%	0.9

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VND	-9.9%	18.3%	-35.7
QTC	-6.0%	17.9%	-0.4
SHS	-9.8%	9.1%	-0.4
ICG	0.0%	7.5%	-0.3
PPS	-2.0%	22.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	3.3%	MWG, DGW
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.6%	PNJ, GIL
Dịch vụ tài chính	-1.0%	VCI, FIT
Công nghệ thông tin	-1.4%	SGT, CMG
Du lịch và Giải trí	-2.0%	RIC, HOT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-8.2%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-6.9%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-6.1%	GAS, POW
Hóa chất	-5.8%	GVR, AAA
Bất động sản	-5.4%	VHM, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	20.1%	SSI, VCI
Hóa chất	10.8%	GVR, DGC
Bán lẻ	8.8%	MWG, DGW
Công nghệ thông tin	7.5%	FPT, SGT
Ngân hàng	4.9%	VCB, TCB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-7.9%	YEG, ADG
Dầu khí	-5.0%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-3.0%	HPG, SHI
Xây dựng và Vật Liệu	-1.1%	VCG, VGC
Y tế	-1.0%	IMP, PME

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	250,882 (10.9)	22.5	80.9	51.0	14.7	7.7	9.0	4.1	3.7	-2.6	-5.1	-7.4	3.5
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	498,530 (21.7)	26.6	11.8	10.5	35.9	31.5	27.5	3.1	2.5	-6.9	-7.0	5.6	23.2
	VRE	VINCOMRETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	159,525 (6.9)	17.8	24.0	19.5	-7.6	8.8	10.1	2.2	1.9	0.0	-6.9	-8.4	-6.1
	NVL	NO VALAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	327,842 (14.3)	31.3	31.7	34.7	6.7	16.2	13.0	5.0	4.9	1.7	-3.3	13.6	143.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	98,087 (4.3)	11.6	18.7	13.8	18.0	14.2	17.0	2.4	2.1	-1.9	-3.7	1.4	35.5
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	291,849 (12.7)	13.9	8.3	7.5	-	19.1	18.2	1.5	1.2	-7.0	11.4	26.0	33.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	218,545 (9.5)	6.3	18.2	15.2	11.7	22.1	21.7	3.5	2.9	-1.4	-1.8	6.8	14.4
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	192,515 (8.4)	12.7	18.7	13.7	-5.3	12.0	14.6	2.0	1.7	-5.7	-6.2	10.2	-8.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,038,395 (45.2)	0.0	11.7	9.9	14.3	19.8	19.2	2.1	1.7	-6.9	0.9	-1.1	71.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	960,436 (41.8)	1.4	11.1	9.2	61.1	19.8	20.0	1.8	1.6	-6.9	10.0	10.2	40.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	1,961,817 (85.3)	0.0	12.5	11.9	18.8	21.6	18.5	2.4	1.9	-2.3	6.1	-1.0	118.5
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	979,556 (42.6)	0.0	10.1	8.7	14.6	21.2	20.7	1.9	1.6	-7.0	-7.7	-3.5	76.0
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	166,030 (7.2)	4.2	10.1	8.4	23.3	21.3	20.2	1.9	1.6	-6.4	-2.5	-1.3	47.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	903,991 (39.3)	14.0	26.1	17.8	26.5	8.8	11.0	1.8	1.6	-6.9	-2.1	-5.6	79.6
	TPB	TIEN PHONGCOMME	27,850	28,732 (1,249)	176,738 (7.7)	0.0	8.5	7.2	37.5	23.0	21.4	1.8	1.4	-7.0	-2.0	-6.3	36.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	21,142 (0.9)	0.2	44.1	24.0	27.3	5.8	10.0	2.1	2.0	-3.9	0.0	-8.7	58.4
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	89,176 (3.9)	21.0	24.2	21.5	15.2	8.4	9.0	2.0	1.9	-4.1	-5.4	-2.1	-15.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	22,451 (1.0)	14.2	17.3	13.6	9.1	9.7	11.7	1.5	1.3	-2.8	-0.3	10.8	20.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	769,959 (33.5)	55.4	21.6	16.8	-3.2	14.3	16.2	-	-	-6.9	-3.7	7.9	58.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	244,050 (10.6)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-6.9	3.6	29.2	88.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	303,164 (13.2)	52.4	23.6	-	-19.0	17.1	-	3.3	-	-7.0	-2.0	18.2	57.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	345,737 (15.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-9.9	-5.3	13.2	128.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	318,186 (13.8)	42.1	17.7	16.7	4.0	33.9	34.5	5.5	5.2	-2.5	-4.4	-2.8	-20.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	30,332 (1.3)	36.9	21.4	18.6	7.3	23.2	23.6	4.5	4.1	-1.5	-3.3	6.7	-15.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	147,093 (6.4)	16.5	47.6	27.1	-51.9	12.9	17.9	6.2	5.0	-2.3	0.5	1.6	22.6
	HNG	HOANGANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	156,704 (6.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	-5.5	-6.8	-29.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	68,833 (3.0)	11.0	159.1	24.4	-88.5	3.8	16.6	3.5	2.9	0.8	-0.6	11.1	-4.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	116,121 (5.0)	10.8	24.4	17.2	-57.0	8.9	12.1	1.9	1.8	-7.0	-3.7	2.9	27.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	55,627 (2.4)	38.4	14.1	8.5	65.7	6.5	9.9	1.0	1.0	-1.9	-6.0	-9.3	-15.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	110,142 (4.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-2.6	-8.8	14.4	136.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	147,055 (6.4)	37.7	16.2	11.2	-12.7	12.7	13.8	-	-	-3.8	2.7	-4.6	26.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	23,666 (1.0)	3.6	13.8	12.2	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	-2.9	-6.0	-1.8	-21.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	40,716 (1.8)	0.0	9.0	7.2	-4.5	13.4	15.2	1.1	1.1	-4.2	-9.0	-8.5	7.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	109,471 (4.8)	46.1	16.5	15.0	-17.5	19.9	20.2	3.1	2.9	-6.7	-7.7	-6.1	-0.9	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	9,185 (0.4)	31.4	13.3	8.6	-10.5	10.5	16.3	-	-	-1.5	-1.7	2.3	-17.9	
	PPC	PHALAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,615 (0.3)	34.1	10.0	10.1	-5.1	12.2	13.4	1.3	1.3	-2.4	-0.2	3.3	1.8	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,506,839 (65.5)	18.0	7.7	7.3	21.9	42.3	28.9	2.4	1.8	-6.3	-7.3	-	11.9	56.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	64,672 (2.8)	36.5	9.5	12.9	-0.5	11.0	7.8	1.0	0.9	-6.9	-8.7	5.0	11.2	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	93,106 (4.0)	46.5	16.8	17.3	-4.5	10.1	9.1	1.6	1.5	-2.8	-8.2	6.5	35.4	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	477,384 (20.8)	38.9	5.7	7.4	67.9	43.0	23.9	2.0	1.5	-7.0	-7.9	-7.7	92.2	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	251,818 (10.9)	97.2	11.1	12.0	17.2	10.5	11.0	1.0	1.0	-6.7	-	15.6	6.1	20.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	202,704 (8.8)	4.6	19.0	15.8	-51.0	15.7	16.7	2.6	2.6	-5.1	-8.0	-9.6	-5.3	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	233,619 (10.2)	39.9	43.9	18.4	-11.9	1.4	3.5	0.6	0.6	-7.0	-9.5	-	17.3	23.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	124,305 (5.4)	35.9	8.7	8.2	1.2	13.6	13.4	1.2	1.1	-7.0	-	11.4	-6.7	33.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	112,117 (4.9)	0.0	14.2	11.8	13.7	26.7	27.0	3.6	3.0	-6.9	5.4	12.7	30.4	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	42,045 (1.8)	0.0	17.1	13.5	2.4	24.1	23.8	3.6	3.0	0.3	1.0	-1.0	23.0	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,677 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.7	-6.3	-6.5	-57.9	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	37,809 (1.6)	30.3	20.5	14.3	-75.2	8.5	11.8	1.7	1.6	-7.0	-0.5	5.2	-14.5	
	PHR	PHUOCHOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	54,105 (2.4)	34.6	7.9	11.3	41.2	26.2	19.9	2.0	2.1	-5.9	-	11.5	-8.7	-19.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,197 (0.1)	45.4	16.8	15.5	10.7	20.5	20.7	3.2	2.9	0.3	-0.5	0.5	-8.8	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	070 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-2.4	-2.4	0.0	7.2	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	217,550 (9.5)	0.0	19.8	16.2	15.6	25.6	26.4	4.3	3.8	-6.1	-1.8	2.7	69.3	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.